

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI VÒNG 1
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC, NĂM HỌC 2023 - 2024
NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH: GIÁO VIÊN
(Kèm theo thông báo số /TB-SGDĐT ngày tháng 7 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
1	TD627	Lê Văn Tâm	12/04/1996	Nam	Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		X				
2	TD1221	Lâm Hoàng Thành	28/07/1991	Nam	Âm nhạc (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Âm nhạc		X				
3	TD301	Chu Hoàng Hà	18/07/1989	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
4	TD306	Trần Thành Long	26/07/2000	Nam	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
5	TD310	Bùi Trúc Linh	15/03/1999	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
6	TD501	Mai Thị Hồng Uyên	12/08/1987	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp				*		Cử nhân ngoại ngữ
7	TD563	Trần Thị Thu Hiền	16/12/1980	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
8	TD838	Huỳnh Thị Tuyết Anh	19/05/1990	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Vật lý	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
9	TD1102	Nguyễn Anh Lưu	01/01/1987	Nữ	Công nghệ (KTCN) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
10	TD20	Nguyễn Trung Quốc	30/06/1998	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
11	TD212	Huỳnh Văn Thương	26/11/2000	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
12	TD247	Nguyễn Thuý Liên	23/04/1998	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
13	TD351	Trần Như Quang Tín	17/12/1995	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
14	TD424	Trần Thị Hồng Lam	25/06/1998	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
15	TD457	Phạm Huyền Linh	03/07/2000	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
16	TD519	Nguyễn Trường Giang	06/09/2001	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
17	TD618	Phan Xuân Hoàng	09/10/1987	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí				*		Cử nhân ngoại ngữ
18	TD671	Đặng Thị Kiều Diễm	19/11/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
19	TD691	Cao Phạm Mai Anh	24/05/2000	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
20	TD767	Trần Thị Kim Cúc	24/07/1991	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
21	TD787	Nguyễn Phạm Hải Yên	31/03/1999	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
22	TD808	Nguyễn Văn Quý	23/09/1997	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
23	TD816	Trương Thị Ngọc Trâm	28/08/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
24	TD822	Niê Y Bích	12/03/2000	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X			2	
25	TD836	Hà Quế Hương	24/02/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
26	TD839	Nguyễn Hoàng Lâm	20/02/2000	Nam	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
27	TD847	Phạm Mai Thanh Trúc	31/01/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
28	TD857	Nguyễn Thị Thuý Dương	26/08/1996	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
29	TD900	Ngô Thị Mỹ Hằng	05/11/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
30	TD989	Huỳnh Trương Thu Thảo	21/07/2001	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
31	TD1077	Vương Thị Kim Ngân	10/11/1997	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí		X				
32	TD1147	Hồ Thị Ngọc Hương	19/06/1984	Nữ	Địa lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Địa lí				*		Cử nhân ngoại ngữ
33	TD7	Lê Thị Anh Thu	03/07/2000	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
34	TD9	Nguyễn Hoàng Huy	02/05/1999	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
35	TD28	Nguyễn Ngọc Thanh Dân	08/09/1992	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị				*		Cử nhân ngoại ngữ
36	TD80	Lê Ngọc Khuê Tú	02/04/2000	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
37	TD333	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/04/1998	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
38	TD387	Phạm Thị Kim Tuyền	07/03/1993	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
39	TD489	Phan Thu Trang	21/01/1998	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
40	TD517	Nguyễn Ngọc Kim Thoa	29/02/1992	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
41	TD532	Nguyễn Ngọc Thiên Bảo	05/10/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
42	TD603	Nguyễn Đức Thành	25/08/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
43	TD637	Lê Thị Loan	17/08/1988	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị			X			
44	TD663	Đặng Nguyễn Thị Mỹ Linh	07/12/1998	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
45	TD706	Lâm Thúy Vy	19/05/1997	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
46	TD745	Nguyễn Hùng Huy	06/05/1996	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
47	TD794	Phạm Thị Xuân Hào	16/02/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục công dân		X				
48	TD813	Hồ Thanh Chí	25/03/2000	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
49	TD870	Lại Hoàng Thanh Thảo	01/01/1997	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
50	TD890	Trịnh Thanh Tùng	14/07/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
51	TD933	Nguyễn Triều Tiên	08/01/1994	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
52	TD1056	Trần Hoàng Huy	11/07/2001	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
53	TD1059	Tô Bảo Vy	01/08/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X			2	
54	TD1082	Lê Huỳnh Ngọc Linh	19/11/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
55	TD1092	Nguyễn Anh Khoa	15/01/1993	Nam	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
56	TD1096	Nguyễn Phạm Bảo Trân	17/07/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
57	TD1118	Phan Thị Bé Ngọc	02/04/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
58	TD1148	Lê Thị Thùy Trang	18/09/2001	Nữ	GDCD (GD Kinh tế và pháp luật) (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Chính trị		X				
59	TD2	Lô Văn Hậu	14/09/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X			2	
60	TD185	Nguyễn Huy Hoàng	26/08/1997	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X			3	
61	TD195	Mai Duy Chiến	29/03/1998	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
62	TD205	Huỳnh Minh Đạt	20/08/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
63	TD208	Đỗ Văn Tinh	12/10/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
64	TD210	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	22/08/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
65	TD252	Hoàng Thị Hiền	20/07/1993	Nữ	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
66	TD381	Nguyễn Lê Đại Dương	04/10/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
67	TD385	Nguyễn Trọng Nghĩa	30/06/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
68	TD491	Phạm Văn Nam	14/12/1997	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
69	TD508	Trần Thị Ngọc Nga	16/07/1999	Nữ	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
70	TD597	Hồ Thị Khánh	10/02/1998	Nữ	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh			X			
71	TD643	Đào Xuân Tiến	22/04/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
72	TD677	Trần Văn Xuân	04/12/1999	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
73	TD955	Nguyễn Đức Huệ	10/03/1995	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
74	TD1044	Nguyễn Thị Ngọc Lan	14/04/1997	Nữ	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
75	TD1089	Cô Ngọc Hoàn Quý	24/02/1994	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
76	TD1142	Hà Đồng Cảnh	15/09/1996	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X				
77	TD1282	Phan Công Lý	20/03/1988	Nam	Giáo dục quốc phòng (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Quốc phòng An ninh		X			3	
78	TD8	Nguyễn Phương Yên	13/06/2000	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
79	TD18	Nguyễn Ngọc Tín	06/12/1985	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
80	TD196	Nguyễn Hoàng Phú Nghị	08/05/1994	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			3	
81	TD199	Châu Văn Thành	13/04/1995	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
82	TD207	Bùi Khắc Vũ	16/12/1992	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			2	
83	TD216	Đào Thị Cẩm Tú	14/09/1999	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
84	TD241	Trương Chí Tâm	14/05/1990	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Huấn luyện thể thao	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
85	TD243	Phạm Hùng Mạnh	01/01/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Huấn luyện thể thao		X				
86	TD258	Nguyễn Hoàng Minh	01/11/1988	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Huấn luyện thể thao	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
87	TD302	Võ Hữu Nghĩa	24/08/1983	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
88	TD311	Phạm Đăng Khoa	03/04/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
89	TD321	Nguyễn Trần Ngọc Dung	20/09/2000	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
90	TD334	Nguyễn Duy Thành	10/05/1992	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
91	TD343	Nguyễn Chí Tài	31/01/2000	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
92	TD356	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/12/1996	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
93	TD361	Phạm Thị Thuý Hạnh	13/04/1999	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
94	TD367	Nguyễn Trương Ngọc Vy	30/08/1997	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
95	TD382	Hoàng Vũ Trọng Khởi	18/09/1987	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
96	TD403	Ngô Hoài Nhân	21/06/1999	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
97	TD409	Nguyễn Đức Hồng Quân	21/06/2000	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
98	TD476	Phạm Ngọc Duy Khang	04/06/1997	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
99	TD528	Lục Phạm Minh Phương	12/08/1993	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			2	
100	TD548	Huỳnh Phúc Nghĩa	06/04/2001	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
101	TD579	Đoàn Thị Hà Giang	16/10/1999	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
102	TD623	Bùi Hữu Phúc	03/10/1990	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		Cử nhân ngoại ngữ
103	TD624	Nguyễn Tuyết Phương	12/05/1999	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
104	TD636	Võ Nguyễn Hải Đăng	07/12/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
105	TD657	Trần Chí Thành	11/04/1993	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
106	TD660	Lư Công Danh	21/02/1998	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
107	TD697	Đặng Thái Sinh	08/05/1988	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
108	TD714	Nguyễn Minh Hưng	09/05/1998	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			3	
109	TD770	Kim Xuân Tiến	21/12/1993	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			2	
110	TD771	Lê Văn Tuấn	31/10/1993	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
111	TD907	Nguyễn Đình Nam	02/02/1990	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
112	TD953	Trần Văn Độ	05/02/1995	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
113	TD986	Nguyễn Hoàng Tuấn	23/07/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			3	
114	TD987	Nguyễn Huỳnh Lộc	23/02/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
115	TD991	Lê Văn Chi	15/02/1989	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Huấn luyện thể thao	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
116	TD1018	Phạm Đông Thương	20/07/1996	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X			2	
117	TD1057	Nguyễn Tấn Đạt	08/11/1999	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
118	TD1063	Nguyễn Thanh Danh	03/11/1999	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
119	TD1067	Lê Hoàng Huy	28/01/2001	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
120	TD1101	Vũ Thanh Hương	18/12/1993	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Huấn luyện thể thao		X			3	
121	TD1116	Vũ Quốc Quang	16/03/2001	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
122	TD1214	Phạm Thị Ngọc Hân	26/02/1997	Nữ	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
123	TD1219	Nguyễn Văn Thuận	20/05/1995	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
124	TD1240	Phạm Hữu Diện	24/07/2001	Nam	Giáo dục Thể chất (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Giáo dục Thể chất		X				
125	TD5	Nguyễn Đức Tài	29/03/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
126	TD27	Phạm Thị Thùy Nhiên	09/04/1990	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
127	TD37	Trác Minh Nhân	15/09/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X			2	
128	TD206	Lê Chí Hiên Đạt	05/12/1998	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
129	TD234	Hàng Thị Anh Hưng	10/06/1991	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
130	TD239	Dương Thị Phụng Ng Hân Ng	05/10/1998	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
131	TD246	Nguyễn Kỳ Hoàng Long	30/10/1999	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
132	TD298	Vũ Thu Trúc	15/11/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
133	TD316	Lê Thị Lan Anh	18/09/1993	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
134	TD328	Lê Thị Thảo	10/06/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
135	TD349	Trần Thị Bảo Quỳnh	02/04/1993	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
136	TD412	Lò Văn Phước	26/03/1997	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X			2	
137	TD437	Nguyễn Thị Thu Thương	16/10/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
138	TD448	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/07/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
139	TD515	Lý Kim Yến	09/11/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
140	TD520	Nguyễn Thị Thu Phương	13/12/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
141	TD523	Lê Thị Việt Hà	28/02/1998	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
142	TD529	Nguyễn Thị Khiết Tâm	26/01/1989	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
143	TD559	Nguyễn Thị Nhã Hòa	18/08/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
144	TD574	Nguyễn Hồng Huynh	01/04/1994	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
145	TD590	Phạm Thị Ngân Phượng	15/03/2001	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
146	TD639	Huỳnh Phúc Hòa Thuận	31/08/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
147	TD655	Nguyễn Anh Thiện	06/08/1995	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
148	TD662	Nguyễn Thị Phương Anh	24/02/1998	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
149	TD698	Vũ Trần Kim Linh	18/08/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
150	TD701	Nguyễn Hoàng Gia Khánh	02/06/1997	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
151	TD711	Vương Thanh Toàn	01/12/1988	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học				*		Cử nhân ngoại ngữ
152	TD715	Vương Lâm Thanh Thảo	10/08/2001	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
153	TD722	Phạm Thị Lan Phương	25/11/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
154	TD723	Bùi Vũ Tài	07/02/2000	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
155	TD733	Liêu Huỳnh Như	08/12/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
156	TD739	Đỗ Hiền Như	11/08/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X			2	
157	TD765	Nguyễn Thị Minh Phượng	22/11/1999	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
158	TD766	Ngô Hoàng Thịnh	16/11/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
159	TD768	Từ Cẩm Vinh	07/11/1990	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học			X		2	
160	TD779	Nguyễn Mạnh Đức	18/07/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
161	TD780	Hồ Diễm Phương Quyên	03/08/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
162	TD805	Dương Nguyễn Ngọc Diễm	09/10/1989	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
163	TD807	Huỳnh Hoàng Lam	06/06/1989	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
164	TD819	Nguyễn Thị Viên Thuý	16/04/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
165	TD895	Huỳnh Văn Hiền	19/08/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
166	TD898	Phan Thị Tuyết Nhi	23/11/2001	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
167	TD934	Phạm Hoàng Ánh Tuyết	06/09/1993	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
168	TD943	Nguyễn Thị Luyến	06/01/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
169	TD957	Lâm Minh Tường	12/11/1976	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
170	TD972	Nguyễn Đăng Khoa	17/10/1985	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
171	TD975	Nguyễn Thị Ngọc Nương	11/05/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
172	TD982	Khiếu Mạnh Cường	11/09/1991	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
173	TD1006	Nguyễn Thị Yên	23/07/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
174	TD1016	Nguyễn Văn Chinh	26/06/1982	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
175	TD1026	Nguyễn Thị Tiếng	12/02/1992	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
176	TD1029	Nguyễn Thị Ly Na	05/02/1994	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
177	TD1046	Trịnh Thanh Ngoan	09/08/1994	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
178	TD1097	Lê Thị Quỳnh Như	02/10/1996	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
179	TD1117	Đinh Hoàng Ngọc Hưng	18/05/1994	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
180	TD1126	Huỳnh Văn Toàn	26/09/1995	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
181	TD1140	Nguyễn Quốc Anh	13/01/1997	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
182	TD1153	Võ Thị Thiên Kim	06/04/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
183	TD1156	Trần Thị Bé Thanh	04/01/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
184	TD1160	Trần Sơn Kiệt	28/11/1999	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
185	TD1165	Nguyễn Thế Hải	13/12/2001	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
186	TD1167	Trần Văn Hoà	18/01/1985	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
187	TD1168	Đỗ Anh Khuê	02/11/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
188	TD1169	Nguyễn Thị Thanh Hằng	24/09/1996	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
189	TD1172	Mai Quốc Thảo	26/12/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
190	TD1177	Lê Trần Thùy Trinh	18/03/1998	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
191	TD1180	Lê Mỹ Duyên	19/11/1994	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
192	TD1187	Nguyễn Tiến Đạt	06/04/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
193	TD1193	Trần Nguyễn Hoàng Vương	20/02/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
194	TD1199	Nguyễn Thị Hồng Anh	13/11/1997	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
195	TD1200	Nguyễn Ngọc Trâm	21/10/1993	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
196	TD1202	Nguyễn Thị Kiều Trinh	21/10/1998	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
197	TD1204	Lê Phạm Hữu Tâm	03/07/1997	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
198	TD1208	Phạm Hoàng Yển	07/07/2000	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
199	TD1210	Lương Văn Hùng	01/02/1992	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
200	TD1212	Đặng Thị Kim Ngoan	18/09/1995	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Hóa học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
201	TD1224	Nguyễn Thế Nam	20/02/1998	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X			3	
202	TD1265	Võ Quang Minh	05/07/1996	Nam	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
203	TD1281	Nguyễn Thị Minh Thu	01/12/1995	Nữ	Hóa học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Hoá học		X				
204	TD68	Phạm Nhật Tấn	29/06/1997	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
205	TD214	Phạm Dương Huệ Lan	13/06/2000	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
206	TD215	Ngô Thị Ánh Tuyết	21/05/1988	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
207	TD222	Lê Thị Hồng Minh Minh	01/06/1989	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
208	TD281	Đặng Thị Mỹ Luyện	14/09/1989	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
209	TD299	Nguyễn Ngọc Anh Thư	25/06/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
210	TD300	Lâm Tấn Lợi	17/11/1998	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X			2	
211	TD318	Nguyễn Hà Vy	21/03/2000	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
212	TD362	Trần Thị Huyền Trân	08/06/1992	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
213	TD378	Trần Huỳnh Hữu Danh	25/01/1999	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
214	TD434	Đỗ Thị Ngọc Như	09/10/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
215	TD468	Đinh Phối Phối	19/11/2000	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
216	TD504	Nguyễn Quốc Huy	10/09/2000	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
217	TD510	Nguyễn Hoàng Út	23/03/1997	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
218	TD516	Nguyễn Thị Hà	02/08/1988	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
219	TD540	Trương Thị Tuyết Nhi	16/01/2000	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
220	TD545	Nguyễn Duy Trường	15/03/2000	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
221	TD556	Huỳnh Lý Ngọc Diễm	10/01/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
222	TD571	Lê Thị Huyền	09/11/1985	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
223	TD580	Vũ Thị Nhung	15/04/1996	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
224	TD583	Nguyễn Thị Bích Hằng	01/03/1980	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X			2	
225	TD593	Chế Anh Thiện	14/06/2001	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X			2	
226	TD608	Lâm Tiến Cường	28/09/2001	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
227	TD609	Chu Mạnh Trường	13/11/1999	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
228	TD631	Bùi Văn Phú	22/09/1999	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
229	TD684	Nguyễn Thị Như Phương	12/12/1998	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
230	TD694	Đặng Quang Hào	14/06/1985	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
231	TD778	Hoàng Văn Thành	07/07/1984	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
232	TD803	Huỳnh Thị Diễm	09/03/1996	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
233	TD812	Phạm Thị Hương	24/10/1990	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X			2	
234	TD854	Nguyễn Hùng Cường	14/09/2001	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
235	TD861	Hà Kim Ngân	01/05/1997	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
236	TD889	Trần Phương Ngọc	18/07/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
237	TD891	Đàm Quang Hà	08/06/1981	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X			2	
238	TD931	Bùi Thị Dung	03/11/1994	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Lịch sử	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
239	TD932	Đỗ Thị Hải Yến	05/06/1996	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
240	TD946	Nguyễn Thành Tâm	23/02/2001	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
241	TD956	Nguyễn Thị Diễm My	25/01/1993	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
242	TD961	Phan Anh Kiệt	22/04/2001	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
243	TD968	Nguyễn Thị Cẩm Vân	19/04/1997	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
244	TD971	Hoàng Thị Thanh Tâm	07/11/1997	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
245	TD1017	Trần Ngọc Anh Thư	24/08/1998	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
246	TD1039	Tổng Thị Quỳnh Lê	16/07/1995	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
247	TD1043	Nguyễn Thị Thùy Vân	05/01/1995	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
248	TD1081	Nguyễn Văn Dương	08/04/2001	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
249	TD1091	Nguyễn Trần Đông Duy	24/11/1995	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
250	TD1098	Bùi Hạnh Nguyên	04/12/2001	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
251	TD1106	Khê Thị Thu Thủy	28/09/1994	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X			2	
252	TD1107	Nguyễn Anh Khoa	19/05/1998	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
253	TD1149	Tạ Thị Cẩm Ngân	07/06/2000	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
254	TD1157	Nguyễn Ái Như	30/10/2000	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
255	TD1192	Phạm Văn Tùng Em	01/01/1985	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X			3	
256	TD1201	Vũ Tiến Cường	11/10/1995	Nam	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
257	TD1227	Phạm Thị Luán	26/12/1989	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
258	TD1272	Đàm Ngọc Phương Mai	08/01/1990	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
259	TD1280	Nguyễn Thùy Trang	01/03/1994	Nữ	Lịch sử (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Lịch sử		X				
260	TD209	Nguyễn Hoàng Tuấn	27/10/1994	Nam	Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		X				
261	TD285	Nguyễn Hoàng Việt	25/03/1984	Nam	Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		X				
262	TD536	Nguyễn Thị Thanh Thủy	31/12/1979	Nữ	Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		X				
263	TD746	Nguyễn Văn Trung	22/08/1987	Nam	Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Mỹ thuật		X				
264	TD1268	Lê Khưu Thư Anh	20/03/1986	Nữ	Mỹ thuật (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Kiến trúc	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
265	TD17	Nguyễn Thị Phương Thảo	21/08/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
266	TD19	Nguyễn Thị Kim Cúc	13/07/1993	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
267	TD40	Nguyễn Thanh Ngân	11/05/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
268	TD192	Mai Hoàng Phú	04/02/1997	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
269	TD211	Rmah Sôl	08/12/1992	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			X		2	
270	TD221	Tăng Thanh Trục	04/05/2001	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
271	TD223	Trần Thị Bích Loan	20/04/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
272	TD261	Phạm Thành Linh	18/07/1999	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
273	TD262	Nguyễn Tường Vi	12/04/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
274	TD269	Ngô Quốc Phòng	11/05/1997	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
275	TD274	Trương Nguyễn Phương Loan	21/12/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
276	TD309	Lê Thị Minh Anh	20/07/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
277	TD313	Trần Thị Kim Phi	10/05/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
278	TD324	Võ Thị Thùy Giang	03/02/1994	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
279	TD344	Nguyễn Thị Thu Hương	09/07/1988	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
280	TD353	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	12/07/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
281	TD363	Huỳnh Thị Phương Kiều	27/09/1988	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
282	TD369	Trần Thị Ngọc Huyền	31/08/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
283	TD380	Nguyễn Lê Ngọc Thảo	30/05/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
284	TD386	Nguyễn Huyền Trang	11/01/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
285	TD390	Phan Vũ Thập Nhân	12/12/1999	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
286	TD395	Huỳnh Ngọc Duyên	09/02/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			X		2	
287	TD396	Đỗ Minh Trí.	03/07/1997	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
288	TD406	Nguyễn Thị Thúy Liễu	27/02/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
289	TD416	Trương Hiền Thương	23/06/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
290	TD427	Nguyễn Tố Quyên	27/09/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
291	TD459	Nguyễn Thị Hồng Vui	14/05/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
292	TD465	Lê Thị Ngọc Yến	12/04/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
293	TD478	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	29/08/1995	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
294	TD487	Lê Thị Huệ	12/07/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
295	TD531	Nguyễn Hồng Lê	24/04/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
296	TD549	Lưu Thị Hòe	16/06/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
297	TD550	Phạm Thị Hiền	21/07/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X			2	
298	TD551	Nguyễn Thị Sơn Tuyền	26/09/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
299	TD582	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	11/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
300	TD616	Nguyễn Thị Nhuận	12/11/1998	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn			X			
301	TD621	Lê Hà Duyên	26/10/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
302	TD625	Trần Huỳnh Tâm Anh	06/06/2001	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
303	TD633	Hồ Thị Tuyền	18/01/1988	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
304	TD638	Nguyễn Thị Nguyệt Niên	16/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
305	TD642	Dương Thị Sinh	04/02/1985	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
306	TD666	Nguyễn Thị Hiền	28/04/1982	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
307	TD670	Nguyễn Thị Quỳnh Như	07/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
308	TD689	Nguyễn Huỳnh Tường Vi	22/04/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
309	TD693	Nguyễn Thành Long	23/03/2001	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
310	TD703	Hách Thị Thu Quỳnh	10/06/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
311	TD705	Lê Thị Vân	18/03/1982	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X			2	
312	TD709	Phan Thị Vân	19/01/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
313	TD748	Nguyễn Thị Xuân Ngọc	10/03/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
314	TD753	Đặng Thu Hương	09/09/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
315	TD796	Nguyễn Thị Tú Anh	01/01/1980	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
316	TD804	Nguyễn Trung Hiếu	16/06/2001	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
317	TD824	Nguyễn Linh Hoàng Vy	19/05/1994	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
318	TD826	Ngô Trần Xuân Hạnh	18/02/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
319	TD832	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/03/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
320	TD833	Huỳnh Yến Nhi	13/02/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
321	TD834	Đỗ Ngọc Thanh Tâm	15/07/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
322	TD911	Nghiêm Thị Trang	01/05/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
323	TD923	Lê Phát Tài	04/02/2000	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
324	TD944	Trần Thị Minh	27/08/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
325	TD962	Hà Thị Thanh Ngoan	20/02/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
326	TD985	Đậu Thị Trang	04/09/1996	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
327	TD995	Phạm Thị Thanh Trúc	08/03/1994	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
328	TD999	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	14/02/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
329	TD1004	Phạm Thị Ngọc Hân	15/09/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
330	TD1008	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	09/03/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
331	TD1019	Phạm Thị Bích Lộc	19/03/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
332	TD1024	Nguyễn Thị Hương	20/09/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
333	TD1031	Nguyễn Thị Hoàng Muội	20/08/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
334	TD1034	Thạch Thị Thu Nhi	14/08/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X			2	
335	TD1048	Hồ Cẩm Duyên	29/10/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
336	TD1050	Nguyễn Thuý Vy	29/01/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
337	TD1051	Trần Thanh Thiên Ái	19/07/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
338	TD1071	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11/01/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
339	TD1115	Trần Thanh Duy	26/03/2000	Nam	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
340	TD1125	Lê Thị Thanh Kim Lộc	31/07/1993	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Văn học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
341	TD1128	Trương Thị Kiều Hoa	14/12/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
342	TD1179	Nguyễn Thị Thanh Trúc	06/06/1999	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
343	TD1194	Lê Hồng Hân Nhiên	15/08/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
344	TD1197	Nguyễn Phạm Hoài Trinh	25/12/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
345	TD1215	Huỳnh Hương Lê	25/04/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
346	TD1223	Lại Bích Chi	19/11/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
347	TD1238	Lương Thùy Minh Trang	29/11/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X			2	
348	TD1255	Nguyễn Thị Song Hương	02/01/2001	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
349	TD1258	Nguyễn Thị Thanh Hiền	15/01/2000	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
350	TD1278	Phạm Thị Kiều Tiên	11/11/1997	Nữ	Ngữ văn (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Ngữ văn		X				
351	TD22	Lê Thị Trinh	18/10/1996	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X				
352	TD358	Trần Anh Vũ	25/11/1998	Nam	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X				
353	TD405	Nguyễn Thị Ánh Hường	04/07/1991	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sinh học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
354	TD454	Nguyễn Hữu Nghĩa	17/08/1999	Nam	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X				
355	TD775	Nguyễn Thị Thùy Trinh	01/10/1973	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X				
356	TD973	Đặng Thị Thành Thoi	01/07/1986	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X			2	
357	TD1027	Nguyễn Thái Minh Châu	30/11/2000	Nữ	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X				
358	TD1216	Phan Đình Anh Khoa	15/10/2000	Nam	Sinh học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Sinh học		X				
359	TD42	Nguyễn Mỹ Linh	16/03/1994	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
360	TD46	Nguyễn Thành Thông	19/07/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
361	TD90	Lê Thiện Phước	20/10/1979	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
362	TD231	Nguyễn Thị Trúc Linh	26/01/1989	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
363	TD237	Nguyễn Thị Phương Liên	07/05/1989	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
364	TD264	Nguyễn Thị Vy	23/05/1983	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
365	TD265	Huỳnh Phan Kỳ Lân	30/07/1997	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
366	TD275	Nguyễn Ngọc Anh Thư	30/09/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
367	TD290	Vũ Đức Phương Trang	16/01/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
368	TD294	Nguyễn Thị Ngọc Hải	23/04/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
369	TD323	Phan Thị Ngọc Diệp	12/03/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
370	TD341	Nguyễn Thị Thu Hương	16/09/1983	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
371	TD347	Trần Phương Trúc	04/12/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
372	TD348	Trần Thị Hồng	15/07/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*	2	
373	TD352	Võ Thị Thanh Vân	28/02/1994	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
374	TD365	Vũ Tuấn Đạt	03/10/1996	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
375	TD372	Bành Phương Thảo	20/08/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
376	TD402	Trần Nguyễn Trâm Anh	05/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
377	TD404	Phùng Gia Long	03/04/2000	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
378	TD408	Dương Thị Như	28/06/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
379	TD439	Trần Diễm Thy	05/04/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
380	TD449	Trần Thị Tường Vi	07/08/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
381	TD493	Mai Thị Kim Cương	15/08/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
382	TD500	Hàn Thanh Hằng	11/11/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
383	TD512	Nguyễn Thị Thu Huyền	06/11/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
384	TD514	Cao Huỳnh Khánh Linh	09/11/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
385	TD522	Trần Sang	12/06/1991	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
386	TD525	Võ Thị Linh	10/04/1988	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
387	TD526	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	20/03/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
388	TD557	Nguyễn Văn Nhi	19/01/1978	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
389	TD573	Lý Nhật Hoàn	24/11/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
390	TD595	Đặng Thị Thủy Tiên	19/08/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
391	TD596	Nguyễn Thế Hiền	01/04/1995	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
392	TD599	Ngô Thị Thảo Phương	25/02/1988	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
393	TD600	Đoàn Thị Bích Nga	09/05/1985	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*	2	
394	TD602	Hứa Kim Lân	24/02/1997	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
395	TD613	Lương Ái Nhi	31/05/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
396	TD632	Châu Phú Vinh Sang	27/10/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
397	TD634	Lê Thy Hạnh	28/09/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
398	TD635	Lâm Thanh Ngọc	09/03/1994	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
399	TD667	Đỗ Thanh Hải	04/08/1984	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
400	TD673	Nguyễn Lê Thủy Tiên	06/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
401	TD676	Nguyễn Thanh Xuân	02/01/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
402	TD686	Huỳnh Phạm Hồng Minh	14/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
403	TD687	Lê Thị Quỳnh Nga	28/07/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
404	TD702	Huỳnh Anh Du	30/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
405	TD704	Lê Thị Xuân Tâm	30/05/1993	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
406	TD728	Huỳnh Ngọc Vân An	12/05/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
407	TD747	Phạm Huỳnh Mỹ Phương	21/05/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
408	TD754	Nguyễn Phúc Trung	30/11/2000	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
409	TD788	Trần Thị Lan Hương	08/06/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
410	TD789	Nguyễn Minh Hân	19/06/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
411	TD795	Nguyễn Vũ Lâm	10/09/1989	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngữ văn Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
412	TD820	Phạm Thị Cẩm Tú	19/06/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
413	TD849	Hứa Trần Kim Thư	14/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
414	TD851	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	05/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
415	TD852	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	18/08/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*	2	

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
416	TD853	Nguyễn Xuân Minh Hải	21/07/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
417	TD862	Bùi Thị Khánh Hòa	01/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
418	TD863	Phạm Thanh Hoài	30/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
419	TD869	Hoàng Quế Phương	25/05/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
420	TD871	Đặng Vĩnh Sâm	12/08/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*	2	
421	TD880	Nguyễn Quế Hương	17/11/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
422	TD882	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	02/12/1976	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
423	TD884	Dương Trung Quân	29/10/2000	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
424	TD886	Lê Minh Tú Anh	16/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
425	TD887	Phan Thị Hồng Minh	11/02/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
426	TD888	Huỳnh Thị Thảo Trang	28/08/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
427	TD893	Nguyễn Thị Kim Liên	19/02/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
428	TD910	Trần Thụy Ý Vi	11/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
429	TD914	Nguyễn Thị Thanh Trâm	11/08/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
430	TD918	Phạm Tuấn An	12/07/1995	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
431	TD936	Hoàng Thị Thu Phương	09/04/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
432	TD978	Nguyễn Mạnh Nhân	11/01/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
433	TD981	Cao Trần Mai Chi	09/05/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
434	TD992	Trần Kiến Trang	25/12/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
435	TD993	Huỳnh Thanh Tuấn	26/11/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
436	TD1002	Hồ Ngọc Trân	03/10/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
437	TD1005	Chung Nguyễn Anh Minh	06/08/1994	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
438	TD1014	Trương Ngọc Anh	14/04/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
439	TD1022	Võ Trần Quỳnh Như	01/03/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
440	TD1028	Nguyễn Hồ Bảo Trân	02/10/1999	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
441	TD1035	Nguyễn Thị Hoài An	30/04/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
442	TD1036	Nguyễn Hồng Hạnh	27/05/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
443	TD1068	Lê Nguyễn Tường Vy	11/06/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
444	TD1076	Lê Nguyễn Hoàng Yến	27/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
445	TD1088	Huỳnh Ngọc Mai Phương	14/02/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
446	TD1093	Nguyễn Anh Thư	25/05/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
447	TD1095	Trần Minh Nhân	04/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
448	TD1129	Từ Hoàng Anh Tuấn	19/10/1992	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
449	TD1130	Khuất Thị Thu Trang	08/12/1997	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
450	TD1141	Trần Minh Đức	10/04/1998	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
451	TD1154	Bùi Thị Huyền	20/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
452	TD1174	Trần Minh Khánh	11/02/1999	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
453	TD1183	Lê Phạm Khánh Linh	22/06/1998	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
454	TD1185	Nguyễn Hoàng Lan Anh	12/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
455	TD1189	Nguyễn Đào Thục Đoan	02/01/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
456	TD1190	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	16/10/1996	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
457	TD1206	Kiều Võ Ngọc Thảo	16/01/1986	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tiếng Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
458	TD1207	Trần Phương Uyên	01/05/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
459	TD1222	Ngô Bội Linh	17/11/2001	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*	2	
460	TD1239	Trương Bá Bình Phương	03/03/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
461	TD1246	Hà Duy Thiên BàO	27/05/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
462	TD1254	Trần Hồng Điệp	05/08/1990	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		
463	TD1259	Nguyễn Đào Minh Ngọc	01/06/2000	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
464	TD1263	Trần Hà Nam	27/08/2001	Nam	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
465	TD1270	Huỳnh Thị Diệu Hương	12/04/1992	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
466	TD1276	Hoàng Thị Kim Dung	11/10/1992	Nữ	Tiếng Anh (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh				*		
467	TD401	Hà Nam Khánh Giao	03/12/1996	Nữ	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp				*		
468	TD494	Huỳnh Thị Ngọc Yến	26/08/1996	Nữ	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp				*		
469	TD845	Nguyễn Lê Thanh	15/12/1995	Nam	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp				*		
470	TD1105	Phạm Khánh Vy	15/07/1999	Nữ	Tiếng Pháp (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Pháp				*		
471	TD626	Nguyễn Nhật Anh	30/11/1997	Nữ	Tiếng Trung (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Trung				*		

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
472	TD729	Nguyễn Đắc Minh Trang	19/11/2001	Nữ	Tiếng Trung (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tiếng Trung				*		
473	TD226	Nguyễn Việt Vĩ Khang	19/04/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
474	TD236	Vũ Thị Soan	08/12/1990	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tin học kinh tế	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
475	TD248	Nguyễn Phú Thanh Nhân	17/09/1999	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
476	TD254	Đoàn Thị Bích Tuyền	22/02/2000	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
477	TD255	Nguyễn Thị Trang	10/01/2000	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
478	TD276	Nguyễn Huy Hải	02/04/1986	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
479	TD305	Cao Lâm Vĩnh Khuê	31/05/2000	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
480	TD307	Trần Thảo Vy	09/11/1998	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
481	TD388	Đỗ Thị Tươi	05/01/1990	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
482	TD464	Trần Thịnh	20/11/1999	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
483	TD484	Nguyễn Viết Phùng	29/11/1993	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
484	TD490	Phan Thị Ánh Hằng	28/10/1989	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
485	TD492	Ngô Thị Lượm	11/11/1995	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
486	TD558	Lê Minh Thuận	10/02/1993	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Công nghệ thông tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
487	TD591	Nguyễn Thành Long	24/12/1998	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X			3	
488	TD726	Hà Văn Lợi	26/02/1995	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
489	TD773	Võ Thị Thùy Trang	15/08/2001	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
490	TD905	Trịnh Minh Thế	10/07/1991	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X			2	
491	TD930	Hồ Thị Thanh Nhân	08/12/1992	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
492	TD994	Bùi Hoàng Anh	28/12/1985	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
493	TD1000	Phan Sơn Bảo	15/11/1992	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tin học ứng dụng	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
494	TD1012	Phan Hoàng Phúc	23/05/1992	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		Cử nhân ngoại ngữ
495	TD1070	Nguyễn Thị Anh Thư	30/03/2001	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
496	TD1075	Nguyễn Minh Thư	01/08/2001	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
497	TD1094	Phạm Thị Ý Chi	07/05/2001	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
498	TD1132	Võ Anh Khoa	02/09/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
499	TD1139	Trần Trung Hậu	30/03/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
500	TD1143	Nguyễn Đình Nhật HoàNg	07/09/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
501	TD1144	Nguyễn Nhật Quang	24/09/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
502	TD1163	Đỗ Thái Minh Nhật	08/10/2001	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
503	TD1203	Lâm Thanh Phụng	26/10/1996	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
504	TD1226	Lê Thị Kim Dung	02/09/1983	Nữ	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Tin học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X			2	
505	TD1256	Nguyễn Thành Luân	08/03/1995	Nam	Tin học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Tin học		X				
506	TD3	Đỗ Thị Thu Ngân	24/10/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
507	TD12	Nguyễn Hải Yến Nhi	24/11/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
508	TD50	Lê Văn Mạnh	17/05/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X			2	
509	TD84	Phan Thị Thiên Trang	20/04/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
510	TD121	Phạm Văn Khôi	25/05/1985	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
511	TD122	Đoàn Tấn Minh Triết	19/01/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
512	TD187	Lê Hoàng Minh Khôi	31/01/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
513	TD189	Trần Văn Quốc	20/02/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
514	TD198	Nguyễn Ngọc Bình	20/05/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
515	TD201	Đoàn Vũ Minh Nghĩa	29/05/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
516	TD202	Nguyễn Ánh Hồng Quỳnh	22/06/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
517	TD204	Giang Huệ Phương	10/10/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
518	TD225	Phạm Thị Trân Châu	12/06/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
519	TD228	Nguyễn Hoàng Sơn	28/06/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
520	TD240	Nguyễn Thanh Tùng	16/06/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
521	TD253	Trương Huỳnh Phương	14/03/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
522	TD256	Đặng Thị Phương Thuận	13/12/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
523	TD268	Phan Trung Hiếu	13/12/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
524	TD270	Huỳnh Nguyễn Phương Trang	11/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
525	TD272	Nguyễn Đặng Minh Huy	30/07/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
526	TD278	Lương Anh Nhật	20/03/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
527	TD280	Dương Nguyễn Yến Khoa	04/10/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
528	TD283	Sú Hoài Thanh	27/07/1994	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
529	TD287	Nghiêm Thị Xuân Hiền	14/06/1986	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
530	TD292	Nguyễn Ngọc Minh	25/06/1987	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
531	TD295	Nguyễn Thị Quỳnh Như	13/08/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
532	TD314	Hồ Thị Ngọc Trúc	26/03/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
533	TD315	Trần Hoàng Nghi	13/05/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
534	TD319	Lê Thị Kim Hương	26/07/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
535	TD320	Nguyễn Minh Thành	20/08/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
536	TD325	Trịnh Thị Thu Giang	27/04/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
537	TD331	Nguyễn Chế Linh	07/10/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
538	TD335	Nguyễn Minh Huy	14/04/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
539	TD336	Đình Thanh Phong	03/04/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
540	TD338	Võ Thị Thuý Tiên	22/05/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
541	TD345	Lê Thị Thu	23/06/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
542	TD364	Trần Đình Hiên	30/07/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
543	TD373	Võ Văn Hóa	01/01/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
544	TD377	Võ Mỹ Duyên	15/09/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
545	TD399	Võ Như Quỳnh	26/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
546	TD410	Mai Thị Hồng	06/06/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
547	TD413	Nguyễn Thị Lệ Uyên	19/05/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
548	TD414	Nguyễn Thùy An	19/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
549	TD415	Nguyễn Thái Nhi	17/12/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
550	TD418	Nguyễn Minh Thiện	26/02/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
551	TD419	Nguyễn Xuân Tính	07/12/1979	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
552	TD431	Ngô Tùng Nhân	10/02/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
553	TD441	Đỗ Thị Thanh Dung	18/02/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
554	TD446	Nguyễn Lê Quốc Bảo	18/02/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
555	TD447	Hứa Nhật Hoài	05/02/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
556	TD450	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/08/1991	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
557	TD452	Bùi Quốc Cường	12/10/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
558	TD456	Nguyễn Quốc Ân	26/01/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
559	TD462	Đặng Thị Thục Quyên	29/12/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
560	TD463	Trần Phương Vũ	18/06/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
561	TD469	Đoàn Văn Bộ	29/06/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
562	TD475	Vũ Thị Thu Hà	04/09/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
563	TD482	Võ Tấn Đạt	27/01/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
564	TD488	Ngô Nguyễn Quốc Bảo	20/08/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
565	TD497	Đỗ Ngọc Phương Uyên	26/09/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
566	TD507	Lê Thị Yến Nhi	19/01/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
567	TD513	Phạm Lê Quốc Trọng	10/12/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
568	TD533	Hứa Khắc Bảo	15/04/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
569	TD538	Lê Quang Nghĩa	10/04/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
570	TD544	Huỳnh Anh Kiệt	23/07/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
571	TD546	Nguyễn Văn Hiệp	08/08/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
572	TD547	Bùi Công Sơn	26/12/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
573	TD554	Trần Thị Tuyết Nga	30/04/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
574	TD555	Nguyễn Anh Khoa	23/04/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
575	TD561	Trần Minh Đức	02/03/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
576	TD562	Đoàn Đình Đạt	14/10/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
577	TD564	Nguyễn Trung Hiếu	26/11/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
578	TD566	Nguyễn Mộng Khang	29/09/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
579	TD567	Lê Thị Tuyết Ngân	24/06/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
580	TD568	Đặng Văn Hiền Ngoan	13/09/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
581	TD584	Phạm Đức Khánh	02/11/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
582	TD586	Nguyễn Thị Nhon	20/01/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
583	TD589	Mai Trần An Hòa	26/06/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
584	TD592	Trần Ba Sao	15/12/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
585	TD594	Nguyễn Ngọc Quý	15/05/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
586	TD601	Mai Đỗ Thúy Uyển	01/09/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm			*		Cử nhân ngoại ngữ
587	TD604	Ngô Thanh Tuấn	29/08/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
588	TD605	Tô Trọng Nhân	30/04/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
589	TD607	Nguyễn Phúc Tiến	03/11/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
590	TD610	Trần Thị Liên	21/09/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
591	TD614	Nguyễn Thành Trung	28/02/1987	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
592	TD615	Cao Minh Nam	11/07/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
593	TD617	Trần Hồng Phúc	02/06/1988	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
594	TD620	Trần Ngọc Anh Thư	12/10/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
595	TD628	Nguyễn Văn Trường Giang	24/03/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
596	TD630	Lê Hải Hạnh	23/09/1984	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
597	TD641	Nguyễn Hồng Phúc	15/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
598	TD645	Bùi Thu Thương	18/11/1990	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
599	TD649	Nguyễn Tấn Hiếu	13/04/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
600	TD650	Châu Pha	26/03/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
601	TD651	Lê Yến Nhi	02/11/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
602	TD659	Phạm Tuấn Huy	11/05/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
603	TD664	Nguyễn Duy Khang	10/08/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
604	TD668	Trần Nguyễn Vĩnh Nghi	21/10/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
605	TD669	Trần Thị Xuân Thảo	09/11/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
606	TD672	Nguyễn Thiện Minh	20/12/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
607	TD674	Nguyễn Huỳnh Vũ Duy	04/09/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học				*		Cử nhân ngoại ngữ
608	TD679	Nguyễn Văn Dương	23/12/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
609	TD682	Nguyễn Thị Hồng Loan	03/06/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
610	TD688	Nguyễn Đức Thịnh	26/04/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
611	TD717	Phạm Mạnh Chính	02/11/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
612	TD727	Văn Công Tài	04/10/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
613	TD731	Nguyễn Minh Hiếu	24/12/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
614	TD732	Hoàng Ngọc Sơn	09/02/1988	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
615	TD735	Trần Lê Vĩnh Phúc	15/01/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
616	TD738	Nguyễn Phan Ngọc Minh	03/03/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
617	TD744	Nguyễn Thu Hà	13/10/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
618	TD752	Trần Phước Lộc	29/11/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
619	TD758	Trần Bảo Hiên	22/10/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
620	TD759	Hà Thương Thương	11/01/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
621	TD760	Vũ Lỗ Hương Giang	01/10/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
622	TD772	Nguyễn Tứ Đình Trí	13/04/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
623	TD774	Nguyễn Trần Phong	04/10/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
624	TD776	Hồ Thị Kim Khuê	05/12/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
625	TD777	Trần Quang Phú	14/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
626	TD785	Trương Hoài Trung	01/08/1982	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
627	TD791	Đoàn Anh Tuấn	22/10/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
628	TD793	Trần Thành Thống	31/12/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
629	TD797	Phan Thị Dương Lãnh	10/05/1991	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
630	TD798	Phạm Ngọc Tuấn Anh	10/01/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
631	TD799	Lê Xuân Mộng	11/03/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
632	TD800	Nguyễn Huỳnh Phúc Đạt	19/10/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
633	TD801	Võ Thành Tài	28/08/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
634	TD802	Nguyễn Hoàng Khải	11/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
635	TD806	Hoàng Thị Nguyên	14/10/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
636	TD811	Tô Dương Nhật Hạ	31/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
637	TD818	Phạm Thị Thủy Liễu	16/08/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
638	TD827	Trương Hoàng Lộc	20/09/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
639	TD829	Trần Thị Thanh Thảo	19/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
640	TD837	Phạm Thế Sang	19/12/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
641	TD850	Nguyễn Thị Như Thảo	09/10/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
642	TD860	Nguyễn Duy Tuấn	07/07/1987	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
643	TD866	Huỳnh Văn Thật	07/09/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
644	TD867	Phạm Nguyễn Đăng Huy	14/08/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
645	TD872	Huỳnh Tuấn Anh	12/05/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
646	TD873	Phan Đoàn Phước Thịnh	17/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
647	TD874	Phan Thị Thúy	21/09/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
648	TD877	Ngô Ngọc Thảo Anh	01/11/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
649	TD878	Hồ Quốc Thanh	28/05/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
650	TD879	Trần Quang Vinh	06/04/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
651	TD883	Hồ Thị Ngọc Hoa	21/02/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
652	TD899	Nguyễn Ngọc Hiếu	22/03/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
653	TD901	Trần Ngọc Hồng Loan	02/03/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
654	TD902	Trần Thị Ngọc Yến	15/04/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
655	TD908	Nguyễn Phúc Anh Khoa	18/11/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
656	TD913	Cù Minh Khương	01/01/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
657	TD915	Lê Thị Nhật Ánh	02/11/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
658	TD916	Trần Hữu Bảo	22/12/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
659	TD917	Đoàn Trung Hiếu	02/03/1988	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
660	TD919	Trần Lê Minh Tâm	10/03/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
661	TD924	Nguyễn Thiên Phúc	26/08/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
662	TD925	Trịnh Thị Kim Phượng	19/12/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
663	TD927	Phạm Hoàng Duy	21/03/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
664	TD935	Hồ Dương Khánh Vy	09/08/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
665	TD937	Phạm Duy Thơ	24/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
666	TD938	Phan Thị Khánh Ly	10/04/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
667	TD941	Từ Hữu Nguyễn	15/02/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
668	TD942	Nguyễn Thị Ngọc Hà	02/09/1989	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
669	TD945	Trần Thị Doan	11/09/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
670	TD949	Lý Thị Mỹ Kim	14/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
671	TD951	Lý Chí Cường	14/12/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán - Tin	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
672	TD959	Nguyễn Xuân Việt	22/03/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
673	TD964	Đồng Thị Mai Dung	29/01/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
674	TD967	Nguyễn Thị Thanh Vân	11/01/1994	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
675	TD970	Tư Đồ Nguyên	01/07/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
676	TD976	Nguyễn Văn Nguyên	05/01/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
677	TD979	Trần Minh Cường	23/05/1986	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
678	TD980	Hồ Anh Lộc	15/01/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
679	TD990	Nguyễn Dương Phương Thành	09/10/1992	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán - Tin		X				
680	TD996	Trần Trung Thiện	23/07/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
681	TD998	Bùi Bài Bình	19/09/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
682	TD1010	Trần Ngọc Phú Sang	14/10/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
683	TD1011	Phan Phú Quý	16/08/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
684	TD1013	Nguyễn Quốc Dũng	10/01/1990	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
685	TD1015	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/01/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
686	TD1021	Ngô Thị Nhã Trang	30/11/1990	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
687	TD1023	Lê Nguyễn Trúc Anh	04/11/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
688	TD1025	Lê Phạm Lập	02/12/1985	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
689	TD1032	Lê Thị Thu Hằng	05/04/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
690	TD1037	Nguyễn Thị Huê	04/02/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
691	TD1040	Phạm Thị Hải	23/02/1988	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
692	TD1041	Đỗ Mạnh Tuyển	09/05/1988	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
693	TD1042	Phạm Văn Bình	02/10/1983	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
694	TD1047	Nguyễn Tiến Dũng	02/07/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
695	TD1049	Phạm Đắc Thắng	02/12/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
696	TD1052	Vì Văn Bảy	05/09/1993	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
697	TD1054	Lưu Nguyễn Thanh Vy	08/01/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
698	TD1060	Trương Anh Hào	05/05/1996	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
699	TD1064	Lê Quỳnh Hương	18/01/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
700	TD1069	Tăng Thành Đạt	12/01/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
701	TD1074	Nguyễn Quốc Sinh	24/05/1985	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
702	TD1079	Nguyễn Thị Thu Trang	23/06/1991	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
703	TD1080	Võ Ngọc Uyên Thư	28/08/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
704	TD1083	Trương Văn Kim	20/09/1985	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
705	TD1086	Trần Phan Thế Lâm	17/10/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
706	TD1100	Dương Phùng Vũ	27/03/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
707	TD1103	Lê Thị Hoa Phương	08/02/1999	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
708	TD1104	Lê Thị Thu Hà	15/10/1994	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
709	TD1111	Nguyễn Mỹ Huyền	08/04/1997	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
710	TD1112	Lưu Văn Khoa	17/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
711	TD1114	Tạ Ngân Minh Khôi	27/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
712	TD1119	Trần Thị Phương Yến	25/11/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
713	TD1121	Trương Minh Thắng	17/09/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
714	TD1124	Phạm Lê Thị Hồng Diễm	15/01/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
715	TD1127	Nguyễn Việt Sử	18/12/1995	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
716	TD1131	Trần Kiến Năng	22/10/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
717	TD1134	Nguyễn Văn Tiến Đạt	20/03/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
718	TD1135	Phạm Ngọc Xuân Vy	11/09/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
719	TD1136	Đặng Thị Thu My	23/12/1992	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
720	TD1146	Nguyễn Phùng Hữu Trình	08/02/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
721	TD1151	Bùi Tường Vi	20/11/1992	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
722	TD1152	Nguyễn Thị Ngoan	26/11/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
723	TD1159	Phạm Nguyễn Hoàng Thịnh	04/01/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Toán học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
724	TD1161	Trần Thị Ngọc Hương	29/07/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
725	TD1164	Hoàng Võ Kim Oanh	11/12/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
726	TD1170	Nguyễn Trần Đình Khải	11/03/1998	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
727	TD1171	Ngô Nguyễn Ngọc Trâm	25/04/1996	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
728	TD1173	Phạm Thị Thuỳ Linh	25/05/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
729	TD1176	Châu Huy	09/02/2001	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X			2	
730	TD1188	Võ Thị Ngọc Liễu	20/10/1992	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
731	TD1195	Vũ Ngọc Hải Hà	09/09/2001	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
732	TD1196	Quách Thị Hồng	10/09/1995	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
733	TD1198	Lê Nhật Phong	23/02/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
734	TD1205	Phạm Ngọc Trung	25/05/1994	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
735	TD1211	Nguyễn Thành Nghĩa	16/01/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
736	TD1213	Lê Anh Nhân	07/07/1984	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán - Tin		X				
737	TD1225	Nguyễn Quốc Thái	15/09/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
738	TD1229	Bùi Diệu Linh	24/02/1998	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
739	TD1232	Bạch Thị Cẩm Tiên	21/07/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
740	TD1233	Trần Trọng Nhân	01/06/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
741	TD1241	Lê Thị Hương Tín	06/02/1993	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
742	TD1242	Võ Tấn Dũng	10/06/2000	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
743	TD1245	Nguyễn Thị Thùy Lên	11/04/1994	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
744	TD1251	Nguyễn Hoàng Hải	20/01/1999	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
745	TD1252	Nguyễn Huỳnh Phương Dung	22/04/2000	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
746	TD1260	Trần Khương Duy	19/12/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
747	TD1264	Lý Kiều Văn	20/07/1997	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
748	TD1266	Nguyễn Thu Hương	01/01/1987	Nữ	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
749	TD1267	Phạm Nhơn Quý	02/10/1989	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
750	TD1274	Dương Quốc Tuấn	07/07/1991	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				
751	TD1275	Nguyễn Nhật Phi	22/12/1992	Nam	Toán học (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Toán học		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
752	TD4	Quách Trí Minh	30/11/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X			2	
753	TD10	Nguyễn Trần Ái Kỳ	02/04/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
754	TD16	Võ Thành Kim Ngân	31/05/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
755	TD23	Nguyễn Dương Quý	02/02/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
756	TD35	Võ Quang Phúc	23/01/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
757	TD194	Tạ Hoàng Anh Khoa	16/10/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
758	TD213	Nguyễn Kiều Việt Đức	23/11/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
759	TD224	Lê Văn Tâm	30/12/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
760	TD229	Nguyễn Thị Hằng	08/08/1993	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
761	TD230	Nguyễn Thị Tiên	12/06/1993	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Vật lý học	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	X				
762	TD250	Nguyễn Tuấn Anh	20/08/1987	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
763	TD251	Nguyễn Thị Cẩm Tú	29/01/1997	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
764	TD266	Lê Thị Ánh Tuyết	15/09/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
765	TD288	Chung Anh Công Thoại	18/06/1995	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
766	TD329	Võ Thị Vân Khánh	14/11/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
767	TD340	Nguyễn Thị Ngọc Linh	09/04/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
768	TD360	Phạm Thị Thùy Dương	14/05/1997	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
769	TD376	Nguyễn Anh Khoa	18/09/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
770	TD445	Nguyễn Thị Kiều Liên	02/01/1997	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
771	TD455	Nguyễn Đặng Hoàng Vũ	22/04/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
772	TD458	Nguyễn Hữu Phát	19/11/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
773	TD470	Nguyễn Thị Thu Hương	19/06/1995	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
774	TD485	Trương Quỳnh Như	26/08/1998	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
775	TD498	Thái Thị Thanh Thủy	31/07/1993	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
776	TD506	Nguyễn Thanh	25/07/1997	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
777	TD539	Vũ Đông Dương	22/07/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
778	TD552	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	05/08/1995	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
779	TD585	Nguyễn Thanh Tú	27/02/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
780	TD612	Đỗ Thùy Linh	20/06/1986	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
781	TD629	Nguyễn Thị Diễm Hà	14/12/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
782	TD646	Trương Hoàng Hải	19/06/1985	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
783	TD653	Hoàng Ngọc Cát Tường	28/06/1986	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
784	TD654	Dương Thị Thanh Triều	10/08/1984	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X			2	
785	TD656	Mai Thành Nguyên	17/04/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
786	TD658	Huỳnh Thị Ngọc Duyên	01/02/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
787	TD678	Nguyễn Thanh Tuyền	05/10/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
788	TD690	Lê Thị Mai	29/06/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
789	TD692	Phan Tấn Lợi	17/07/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
790	TD708	Nguyễn Hữu Quang Tiến	21/06/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X			3	
791	TD712	Lý Lệ Phương	25/09/1998	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X			2	
792	TD713	Phạm Nguyễn Chương	10/04/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
793	TD718	Nguyễn Hoàng Giang	05/05/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
794	TD721	Vũ Đình Hiếu	15/07/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
795	TD740	Nguyễn Hiệp Thịnh	06/11/1997	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
796	TD741	Huỳnh Trúc Phương	09/04/1997	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
797	TD742	Ngô Văn Tiến	15/10/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
798	TD755	Nguyễn Hoàng Minh Phương	29/09/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
799	TD762	Lê Thị Tuyết	21/03/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
800	TD782	Trần Minh Hy	26/03/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
801	TD783	Đặng Linh Chi	03/04/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
802	TD784	Mai Hữu Tuấn	16/08/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
803	TD790	Mai Đoàn Quang Huy	30/07/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
804	TD828	Biện Thị Thanh Hà	05/07/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
805	TD835	Võ Nguyễn Bảo	15/08/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
806	TD841	Huỳnh Thị Hương Giang	30/07/1994	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
807	TD848	Trần Quốc Việt	07/08/1986	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
808	TD858	Mai Thị Kim Ngọc	11/08/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
809	TD864	Lê Nguyễn Khoa	18/01/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
810	TD921	Phạm Trần Thanh Phương	19/02/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
811	TD928	Đặng Thị Thu Hiền	03/05/1994	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
812	TD939	Võ Thị Tường Vy	20/07/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
813	TD948	Nguyễn Bùi Quý	30/12/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
814	TD952	Trần Thị Huyền	01/02/1982	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
815	TD965	Dương Thúy Anh	03/08/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
816	TD997	Nguyễn Văn Thanh	15/12/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
817	TD1030	Hà Văn Đăng	26/04/1998	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X			2	
818	TD1038	Lê Thị Dạ Thảo	01/06/1987	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
819	TD1045	Đỗ Diệu Linh	12/09/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
820	TD1073	Nguyễn Thị Hoài Phương	10/08/1998	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
821	TD1085	Đặng Thị Thúy Ngọc	20/04/1991	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
822	TD1123	Trần Mỹ Duyên	17/10/2000	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
823	TD1158	Nguyễn Văn Thành Nam	12/06/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
824	TD1162	Phan Tô Anh Vĩ	31/12/1995	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
825	TD1166	Trần Phương Đông	09/05/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
826	TD1175	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	20/07/1999	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
827	TD1178	Bạch Cẩm Vân	17/08/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
828	TD1191	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	05/03/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
829	TD1218	Nguyễn Đức Anh	08/12/2000	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
830	TD1220	Trần Yến Nhi	19/07/2001	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
831	TD1237	Quách Uy Lập	23/05/1996	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
832	TD1243	Nguyễn Thị Lệ Hằng	05/07/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
833	TD1248	Trần Thị Thu Nhi	15/01/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
834	TD1249	Nguyễn Si My	27/06/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
835	TD1257	Lê Nguyễn Minh Khôi	09/03/2001	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				

STT	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Chứng chỉ chuyên môn/ nghiệp vụ	Môn thi Ngoại ngữ			Diện ưu tiên (1,2,3)	Ghi chú
									Anh	Trung	Miễn thi (*)		
836	TD1262	Lê Hoài Trung	26/08/1997	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
837	TD1277	Võ Ngọc Hoài Bảo	19/10/1999	Nam	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				
838	TD1279	Phan Tường Vi	15/03/1996	Nữ	Vật lý (Giáo viên trung học phổ thông hạng III, mã số: V.07.05.15)	Đại học	Sư phạm Vật lí		X				

Tổng cộng danh sách có 838 thí sinh./.

Ghi chú:

- Diện ưu tiên:
- 1) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B.
- 2) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động.
- 3) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong.
- Miễn thi ngoại ngữ:
- *) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển